VGP CHINHPHU.VN
Người ký: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 04.01.2022 10:01:38 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22/2021/NQ-HĐND	*Phú Thọ, ngày 09 tháng 12 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: ... C .....
Ngày: 31/12/2021.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHOÁ XIX, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ;

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp;

Xét Tờ trình số 5847/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ Khoá XIX, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 và thay thế Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi Điều 2 Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ./.

Nơi nhận:
- UBTVQH, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính, NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ pháp chế các Bộ: KH&ĐT, NN&PTNT;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TAND, VKSND, Cục THADS tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- CVP, các PCVP;
- Trung tâm CNTT và TT tỉnh;
- TT Công báo - Tin học (VPUBND tỉnh);
- Lưu: VT, CTHĐND (T).

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Bùi Minh Châu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

(Kèm theo Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

CHƯƠNG I.
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đối với các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, có lợi thế, sản phẩm OCOP; tích tụ, tập trung đất đai; khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cá nhân, hộ gia đình, chủ trang trại, tổ hợp tác, tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã) tham gia các hoạt động đầu tư, sản xuất, sơ chế, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

b) Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện, quản lý, điều hành, thực hiện chính sách.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Trong cùng thời gian, nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau thì đối tượng thụ hưởng chỉ được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ. Các đối tượng và nội dung hỗ trợ không có trong Quy định này thì được hưởng các chính sách hỗ trợ của Trung ương hoặc của tỉnh đã ban hành.

2. Các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ phải đảm bảo đầy đủ điều kiện được hỗ trợ và hồ sơ thanh toán theo quy định; thực hiện các dự án phải đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường; phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, thuộc vùng sản xuất hàng hóa của địa phương; đối với nội dung xây dựng cơ sở hạ tầng, tích tụ, tập trung đất đai phải đảm bảo đầy đủ các thủ tục, quy định theo Luật Đất đai.

CHƯƠNG II
NỘI DUNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Điều 3. Hỗ trợ thúc đẩy hình thành và phát triển các vùng sản xuất

hàng hóa tập trung, quy mô lớn gắn với bảo quản chế biến và tiêu thụ sản phẩm

1. Hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

a) Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ trang trại, hộ gia đình, người được ủy quyền đối với hộ nông dân.

b) Điều kiện hỗ trợ: Đảm bảo đồng thời các điều kiện sau:

- Có dự án liên kết được cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Có hợp đồng liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được ký giữa các bên tham gia liên kết trên nguyên tắc tự nguyện nhằm thực hiện một trong các hình thức liên kết theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Liên kết đảm bảo ổn định:

+ Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác từ 01 năm trở lên, thời gian liên kết tối thiểu là 05 năm;

+ Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác dưới 01 năm, thời gian liên kết tối thiểu là 03 năm.

- Danh mục, quy mô sản phẩm được hỗ trợ: Quy định chi tiết tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này và các sản phẩm khác khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bổ sung.

c) Nội dung hỗ trợ.

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết: Chủ trì liên kết được hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án, bao gồm tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.

- Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết: Hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị, xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 4 tỷ đồng/dự án.

- Hỗ trợ giống, bao bì, nhãn mác sản phẩm, chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới; mức hỗ trợ tối đa 800 triệu đồng/dự án, cụ thể:

+ Hỗ trợ tối đa 100% chi phí mua giống đối với huyện Thanh Sơn, huyện Tân Sơn và huyện Yên Lập; hỗ trợ tối đa 70% chi phí mua giống đối với các huyện, thành, thị còn lại. Hỗ trợ tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm;

+ Hỗ trợ tối đa 100% chi phí bao bì, nhãn mác sản phẩm, tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm;

+ Hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi, bao gồm: quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP, hữu cơ), hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm đảm bảo tiêu chuẩn an toàn thực phẩm (ISO, HACCP).

d) Phương thức hỗ trợ: Theo hạng mục đầu tư hoàn thành được nghiệm thu của dự án.

2. Hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai phát triển sản xuất nông nghiệp.

a) Đối tượng hỗ trợ.

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, hộ gia đình trên địa bàn tỉnh (gọi tắt là chủ thể) thực hiện tích tụ, tập trung đất đai (thuê mới đất hoặc nhận chuyển nhượng mới quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân) để sản xuất các loại cây trồng chủ lực, đặc sản, đặc trưng, có lợi thế của tỉnh có tên trong danh mục quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này và các cây trồng khác khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bổ sung.

- Ban chỉ đạo cấp xã, khu thực hiện công tác chỉ đạo, triển khai tích tụ, tập trung đất đai ở cơ sở.

b) Nội dung, điều kiện hỗ trợ.

- Hỗ trợ thuê đất: Chủ thể thuê mới đất có quy mô tối thiểu 5 héc ta tập trung, liền vùng, thời gian thuê đất ít nhất 5 năm đối với đất trồng cây hàng năm; quy mô tối thiểu 10 héc ta, thời gian thuê đất ít nhất 10 năm đối với đất trồng cây lâu năm. Đồng thời, có hợp đồng thuê đất và phương án sản xuất phù hợp với mục đích sử dụng đất được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận thì được hỗ trợ 30% tiền thuê đất, tối đa 10 triệu đồng/héc ta/năm cho 3 năm đầu tiên kể từ khi thực hiện sản xuất phù hợp với mục đích sử dụng đất.

- Chủ thể tích tụ, tập trung đất đai có quy mô tối thiểu 10 héc ta tập trung, liền vùng đối với đất trồng cây hàng năm, quy mô tối thiểu 20 héc ta tập trung, liền vùng đối với đất trồng cây lâu năm, có vay vốn của các Ngân hàng thương mại được hỗ trợ 100% lãi suất theo mức lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Phú Thọ tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng vay vốn, thời hạn vay tối đa là 3 năm (36 tháng), mức vay được hỗ trợ tối đa 1 tỷ đồng để mua máy móc phục vụ sản xuất phù hợp với mục đích sử dụng đất.

- Hỗ trợ 3 triệu đồng/héc ta cho công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện tích tụ, tập trung đất đai ở cơ sở.

c) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ hằng năm sau khi nghiệm thu.

Điều 4. Hỗ trợ cây trồng, vật nuôi chủ lực sản xuất tập trung theo hướng hàng hóa

1. Hỗ trợ sản xuất gắn với xây dựng thương hiệu chè xanh Phú Thọ.

a) Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã.

b) Điều kiện hỗ trợ: Có vùng nguyên liệu trên địa bàn tỉnh, có dự án sản xuất, chế biến gắn với xây dựng thương hiệu chè xanh công suất chế biến 50 tấn chè búp tươi/năm trở lên và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Nội dung hỗ trợ: Chi phí nâng cao chất lượng vùng nguyên liệu; cải tiến công nghệ sản xuất, chế biến; xây dựng, phát triển nhãn hiệu và xúc tiến thương mại. Mức hỗ trợ tối đa 1,2 tỷ đồng/dự án.

d) Phương thức hỗ trợ: Theo hạng mục đầu tư hoàn thành được nghiệm thu của dự án.

2. Hỗ trợ phát triển cây bưởi.

a) Hỗ trợ trồng mới, trồng bổ sung.

- Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ trang trại, hộ gia đình.

- Điều kiện hỗ trợ: Trồng mới, trồng bổ sung đảm bảo quy trình kỹ thuật, để hình thành vùng sản xuất tập trung có diện tích từ 05 héc ta trở lên trên địa bàn huyện Đoan Hùng, huyện Hạ Hòa, huyện Yên Lập, huyện Thanh Sơn.

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí mua cây giống, phân bón phục vụ trồng mới, trồng bổ sung; mức hỗ trợ tối đa 17 triệu đồng/héc ta.

- Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau khi trồng được nghiệm thu.

b) Hỗ trợ nâng cao chất lượng bưởi thời kỳ kinh doanh

- Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ trang trại, hộ gia đình.

- Điều kiện hỗ trợ: Cây bưởi thời kỳ kinh doanh (từ 05 năm tuổi trở lên), nằm trong vùng sản xuất tập trung có quy mô 05 ha trở lên, trên địa bàn tỉnh.

- Nội dung, phương thức hỗ trợ.

+ Hỗ trợ 03 năm liên tục chi phí mua phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học để nâng cao năng suất, chất lượng, mẫu mã quả theo hướng dẫn kỹ thuật của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; mức hỗ trợ tối đa 5 triệu đồng/héc ta/năm. Hỗ trợ hàng năm sau khi nghiệm thu;

+ Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận lần đầu thực hành sản xuất nông nghiệp tốt: Mức hỗ trợ 6 triệu đồng/ha, tối đa 80 triệu đồng/giấy chứng nhận đối với chứng nhận tiêu chuẩn VietGAP; 15 triệu đồng/ha, tối đa 120 triệu đồng/giấy

chứng nhận đối với chứng nhận tiêu chuẩn GlobalGAP; 55 triệu đồng/ha, tối đa 200 triệu đồng/giấy chứng nhận đối với chứng nhận hữu cơ. Hỗ trợ sau khi được cấp giấy chứng nhận.

3. Hỗ trợ phát triển rừng sản xuất.

a) Hỗ trợ chuyển hóa rừng cây gỗ lớn

- Đối tượng hỗ trợ: Hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ trang trại, hộ gia đình.

- Điều kiện hỗ trợ: Rừng trồng keo tai tượng, keo lai và các loài cây khác khi được Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh công bố. Rừng đưa vào chuyển hóa đảm bảo đủ tiêu chuẩn theo quy định và có quy mô tập trung từ 05 héc ta trở lên; có cam kết với Ủy ban nhân dân cấp xã, hạt Kiểm lâm khai thác sau 10 năm tuổi.

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ lần 1 khi rừng đạt từ 6 năm tuổi trở lên và đã thực hiện các biện pháp kỹ thuật chuyển hóa gỗ lớn, mức hỗ trợ 7 triệu đồng/héc ta; hỗ trợ lần 2 sau 03 năm thực hiện hỗ trợ lần 1, mức hỗ trợ 5 triệu đồng/héc ta.

- Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho đối tượng được thụ hưởng sau nghiệm thu.

b) Hỗ trợ cấp chứng chỉ rừng bền vững

- Đối tượng, điều kiện hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác có đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh, quy mô tối thiểu 100 héc ta trở lên.

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 1 lần 70% chi phí cấp chứng chỉ rừng bền vững; mức hỗ trợ tối đa 300 nghìn đồng/héc ta.

- Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau khi được cấp giấy chứng nhận.

Điều 5. Hỗ trợ khuyến khích phát triển các sản phẩm đặc trưng, có lợi thế của địa phương sản xuất theo hướng hàng hóa

1. Hỗ trợ phát triển cây quế.

a) Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ trang trại, hộ gia đình.

b) Điều kiện hỗ trợ: Trồng mới tập trung có quy mô diện tích từ 05 héc ta trở lên trên địa bàn huyện Tân Sơn, huyện Thanh Sơn, huyện Yên Lập.

c) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần 100% chi phí mua cây giống, tối đa 12 triệu đồng/héc ta.

d) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau khi trồng mới được nghiệm thu.

2. Thưởng sản phẩm đạt chuẩn OCOP.

a) Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ/cơ sở sản xuất có đăng ký kinh doanh (gọi tắt là chủ thể) được công nhận sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Thưởng cho các chủ thể có sản phẩm đạt chuẩn OCOP lần đầu:

+ Sản phẩm đạt 5 sao: 50 triệu đồng/sản phẩm;

+ Sản phẩm đạt 4 sao: 30 triệu đồng/sản phẩm;

+ Sản phẩm đạt 3 sao: 20 triệu đồng/sản phẩm.

- Thưởng cho các chủ thể có sản phẩm OCOP được nâng hạng:

+ Từ 3 sao lên 4 sao: 10 triệu đồng/sản phẩm;

+ Từ 3 sao lên 5 sao: 30 triệu đồng/sản phẩm;

+ Từ 4 sao lên 5 sao: 20 triệu đồng/sản phẩm.

c) Phương thức hỗ trợ: Sau khi có quyết định chứng nhận sản phẩm đạt chuẩn OCOP.

Điều 6. Hỗ trợ xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm

1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân xây dựng cơ sở giết mổ trên địa bàn tỉnh.

2. Điều kiện hỗ trợ: Công suất giết mổ tối thiểu/ngày đạt: 10 con đại gia súc (trâu, bò, ngựa), 50 con lợn và 200 con gia cầm. Có dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổng kinh phí đầu tư từ 2 tỷ đồng/cơ sở trở lên.

3. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí đầu tư trang thiết bị giết mổ, xây dựng hạ tầng và công trình xử lý chất thải, tối đa không quá 500 triệu đồng/cơ sở.

4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư khi dự án đi vào hoạt động.

CHƯƠNG III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 7. Nguồn vốn thực hiện

1. Nguồn vốn hỗ trợ thực hiện chính sách.

a) Ngân sách tỉnh đảm bảo 100% kinh phí hỗ trợ đối với huyện Thanh Sơn, huyện Tân Sơn, huyện Yên Lập; các huyện, thành, thị còn lại ngân sách tỉnh đảm bảo 90%, ngân sách huyện đảm bảo 10% kinh phí hỗ trợ.

b) Ngoài nguồn vốn ngân sách tỉnh và ngân sách cấp huyện bố trí trong kế hoạch hằng năm cho nội dung chính sách theo Quy định này, khuyến khích các địa phương sử dụng nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác để triển khai thực hiện.

2. Ngân sách cấp huyện bố trí 3% tổng kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách hàng năm để chi cho công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện chính sách của cấp huyện và cấp xã (trong đó 1,5% chi cho cấp huyện; 1,5% chi cho cấp xã).

Điều 8. Thẩm quyền phê duyệt dự án

Đối với các nội dung hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 4 và Điều 6 Quy định này thì thẩm quyền phê duyệt dự án được quy định như sau:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án có phạm vi triển khai trên địa bàn 02 huyện, thành, thị trở lên.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị phê duyệt dự án trên địa bàn quản lý trừ các dự án thuộc quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

Các đối tượng đang được hưởng hỗ trợ theo Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh mà chưa thực hiện xong các nội dung hỗ trợ (hỗ trợ sản xuất gắn với xây dựng thương hiệu chè xanh Phú Thọ; hỗ trợ chuyển hóa rừng gỗ lớn; hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp) được tiếp tục hỗ trợ cho thời gian còn lại cho đến khi kết thúc dự án, nội dung hỗ trợ.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Căn cứ tình hình thực tiễn sản xuất ban hành bổ sung danh mục, quy mô các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm đặc sản, đặc trưng, có lợi thế được hưởng hỗ trợ theo quy định tại điểm b khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 3 và điểm a khoản 3 Điều 4 Quy định này.

b) Trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ ngân sách hàng năm cho từng huyện, thành, thị đảm bảo việc thực hiện chính sách hiệu quả, đạt mục tiêu đề ra.

c) Hàng năm phê duyệt danh mục các dự án được hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 4 và Điều 6 Quy định này.

d) Chỉ đạo và giao nhiệm vụ cho các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị và phối hợp với mặt trận tổ quốc, các đoàn thể cấp tỉnh tuyên truyền, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết.

e) Chỉ đạo các sở, ngành kiểm tra, giám sát và kịp thời xử lý vi phạm trong việc thực hiện chính sách.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện.

a) Thực hiện tuyên truyền, phổ biến, công khai, minh bạch các nội dung chính sách đến người sản xuất trên địa bàn.

b) Xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng nội dung chính sách, bố trí ngân sách cấp huyện đảm bảo thực hiện các nội dung chính sách.

c) Phê duyệt và chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các dự án, nội dung hỗ trợ theo thẩm quyền đảm bảo chính sách được triển khai thực hiện hiệu quả, đúng quy định.

Phụ lục:

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP CHỦ LỰC, SẢN PHẨM ĐẶC SẢN, ĐẶC TRƯNG, CÓ LỢI THẾ ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 22/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

TT	Ngành hàng	Tên sản phẩm	Quy mô thực hiện dự án liên kết
I	**Các sản phẩm chủ lực**		
1	**Trồng trọt**	Lúa chất lượng cao	Dự án liên kết sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm có quy mô từ 50 ha trở lên.
		Bưởi	Dự án liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm có quy mô từ 30 ha trở lên.
		Chuối	Dự án liên kết sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm có quy mô từ 30 ha trở lên.
		Chè	Dự án liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm gắn với xây dựng thương hiệu chè Phú Thọ có quy mô từ 10 ha trở lên (không bao gồm chè đen).
2	**Chăn nuôi**	Bò thịt	Dự án liên kết sản xuất, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm có quy mô từ 300 con/năm trở lên.
		Lợn thịt	Dự án liên kết sản xuất, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm có quy mô từ 6.000 con/năm trở lên.
		Gà thịt	Dự án liên kết sản xuất, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm có quy mô từ 50.000 con/năm trở lên.
II	**Các sản phẩm đặc sản, đặc trưng, có lợi thế**		
1	**Trồng trọt**	Rau, củ, quả	Dự án liên kết sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm có quy mô từ 5 ha trở lên.
		Dược liệu	Dự án liên kết sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm có quy mô từ 5 ha trở lên
		Gai xanh	Dự án liên kết sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm có quy mô từ 20 ha trở lên
2	**Chăn nuôi**	Gà nhiều cựa	Dự án liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm có quy mô từ 3.000 con/năm trở lên
3	**Lâm nghiệp**	Quế	Dự án liên kết sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm có quy mô từ 200 ha trở lên